TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN PHÚ NHUẬN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **493**/2023/KDTM-ST.
Ngày : 14/7/2023.
V/v "tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN
THÀNH PHỐ HỒ CHI MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Mai Thị Thu Dung
Các Hội thẩm nhân dân : 1. Bà Lê Thị Thanh Dung
2. Bà Lê Thị Hải
- Thư ký phiên tòa : Bà Trần Minh Tâm
- là thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Bích Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 889/2019/TLST-KDTM ngày 05 tháng 12 năm 2019 về việc *"tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2023/QĐXXST-KDTM ngày 24 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 54/2023/QĐST-KDTM ngày 19 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty XD L P (TNHH).
Trụ sở: 97 NDD, Phường 9, Quận N, TP H.
Đại diện: Ông Phan Văn H, Giấy ủy quyền ngày 18/5/2023.
(*ông Hòa có đơn xin xét xử vắng mặt*).

Bị đơn: Công ty TNHH Một thành viên KT XD TTP.
Trụ sở: 209 HVT, Phường 8, quận P, TP H.
Đại diện: Ông Trần Duy H1 - Giám đốc Công ty (*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/10/2019 và các lời khai trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty XD L P (TNHH) (có ông Tôn Thất T, ông Trần Ngọc T1 và ông Phan Văn H đại diện theo ủy quyền) trình bày:

Ngày 17/02/2017, Công ty XD L P (TNHH) (*sau đây gọi tắt là Công ty L P*) và Công ty TNHH Một thành viên KT XD TTP (*sau đây gọi tắt là Công ty TTP*) có ký kết Hợp đồng kinh tế số 049/17/HĐ-BT về việc mua bán bê tông xi măng tươi. Nội dung hợp đồng thể hiện Công ty L P chịu trách nhiệm cung cấp bê tông xi măng cho Công ty TTP để thực hiện công trình Green Town, KDC Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân.

Ngày 23/6/2017, giữa Công ty L P và Công ty TTP có ký Phụ lục Hợp đồng kinh tế số 049-7/17/PLHĐ-BT về điều chỉnh giá bê tông xi măng.

Ngày 19/9/2017, giữa Công ty L P và Công ty TTP có ký Phụ lục Hợp đồng kinh tế số 049-9/17/PLHĐ-BT về điều chỉnh giá bê tông xi măng.

Nội dung trong các Phụ lục Hợp đồng này là một bộ phận không tách rời của Hợp đồng kinh tế số 049/17/HĐ-BT ngày 17/02/2017.

Căn cứ vào nội dung của Hợp đồng và các Phụ lục Hợp đồng, Công ty L P đã cung cấp bê tông xi măng cho Công ty TTP với tổng giá trị là 44.002.364.000 đồng (*bốn mươi bốn tỷ không trăm lẻ hai triệu ba trăm sáu mươi bốn ngàn*) đồng, Công ty TTP đã thanh toán cho Công ty L P được số tiền là 34.557.839.500 (*ba mươi bốn tỷ năm trăm năm mươi bảy triệu tám trăm ba mươi chín ngàn năm trăm*) đồng, còn nợ lại số tiền 9.444.524.500 (*chín tỷ bốn trăm bốn mươi bốn triệu năm trăm hai mươi bốn ngàn năm trăm*) đồng chưa thanh toán.

Tại Biên bản đối chiếu công nợ số 719/19/ĐCCN-KD ngày 30/9/2019, Công ty Toàn Thịnh Phát xác nhận còn nợ Công ty L P số tiền nợ là 9.444.524.500 (*chín tỷ bốn trăm bốn mươi bốn triệu năm trăm hai mươi bốn ngàn năm trăm*) đồng.

Sau đó, từ tháng 11/2019 đến tháng 01/2021, Công ty TTP có trả cho Công ty L P số tiền nợ gốc là 400.000.000 (*bốn trăm triệu*) đồng, còn nợ 9.044.524.500 (*chín tỷ không trăm bốn mươi bốn triệu năm trăm hai mươi bốn ngàn năm trăm*) đồng chưa thanh toán.

Từ tháng 02/2021 đến nay thì Công ty TTP không trả số tiền còn nợ cho Công ty L P.

Do đó, Công ty L P làm đơn khởi kiện yêu cầu Công ty TTP thanh toán cho Công ty L P tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 19/6/2023 là 16.193.397.500 (*mười sáu tỷ một trăm chín mươi ba triệu ba trăm chín mươi bảy ngàn năm trăm*) đồng. Trong đó:

+ Nợ gốc: 9.044.524.500 (*chín tỷ không trăm bốn mươi bốn triệu năm trăm hai mươi bốn ngàn năm trăm)* đồng.

+ Tiền lãi chậm thanh toán: 7.148.873.000 (*bảy tỷ một trăm bốn mươi tám triệu tám trăm bảy mươi ba ngàn*) đồng.

- ***<u>Bị đơn Công ty TTP trình bày</u>***:

Tại Bản tự khai ngày 20/5/2020, Công ty TTP xác nhận còn nợ Công ty L P số tiền nợ gốc là 9.244.524.000 (*chín tỷ hai trăm bốn mươi bốn triệu năm trăm hai mươi bốn ngàn*) đồng. Ngoài ra, Công ty TTP còn đưa ra phương án thanh toán nợ gốc (chậm nhất đến quý 3/2020), đồng thời đề nghị Công ty L P giảm tiền lãi.

Sau đó, Tòa án thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do nên Tòa án đã thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bị đơn.

Do đó, Tòa án vẫn tiến hành đưa vụ án ra xét xử**.**

Tại phiên tòa hôm nay:

- *Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.* Nguyên đơn có đơn xác định yêu cầu khởi kiện cụ thể như sau:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền nợ gốc còn thiếu là 9.044.524.500 (*chín tỷ không trăm bốn mươi bốn triệu năm trăm hai mươi bốn ngàn năm trăm)* đồng.

Về tiền nợ lãi quá hạn (theo mức lãi suất nợ quá hạn 1%/tháng) tính đến ngày 14/7/2023 là 7.224.246.000 *(bảy tỷ hai trăm hai mươi bốn triệu hai trăm bốn mươi sáu ngàn)* đồng.

Với mong muốn bị đơn trả hết nợ cho nguyên đơn, nên nguyên đơn đồng ý giảm cho bị đơn 30% số tiền nợ lãi là 2.167.273.800 (*hai tỷ một trăm sáu mươi bảy triệu hai trăm bảy mươi ba ngàn tám trăm*) đồng, như vậy nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi là5.056.972.200 (*năm tỷ không trăm năm mươi sáu triệu chín trăm bảy mươi hai ngàn hai trăm*) đồng.

Tổng nợ gốc và lãi tính đến ngày 14/7/2023 là 14.101.496.700 (*mười bốn tỷ một trăm lẻ một triệu bốn trăm chín mươi sáu ngàn bảy trăm*) đồng.

Thời hạn thanh toán: Yêu cầu thanh toán một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, tiền lãi còn tiếp tục được tính kể từ ngày 15/7/2023 trở đi cho đến khi bị đơn trả hết nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng là 1%/tháng.

- *Bị đơn vắng mặt không lý do.*

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án*:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm đều tuân thủ đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Tòa án giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; Thẩm phán đã tiến hành thu thập chứng cứ đầy đủ, xác định đúng thành phần tham gia tố tụng. Tuy nhiên, thời hạn giải quyết vụ án đã quá thời hạn xét xử theo luật định.

+ Về nội dung: Căn cứ vào chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, sự thừa nhận của bị đơn trong bản tự khai có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Giữa nguyên đơn và bị đơn có ký kết hợp đồng kinh tế và các phụ lục hợp đồng với nội dung đúng như nguyên đơn trình bày trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Tại biên bản đối chiếu công nợ ngày 30/6/2019, bị đơn xác nhận còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc và nợ lãi chưa thanh toán.

Lần xác nhận nợ sau cùng mà bị đơn ký là tại biên bản làm việc ngày 01/10/2020, bị đơn xác nhận còn nợ số tiền nợ là 13.408.706.500 đồng (trong đó: nợ gốc 9.244.524.500 đồng, nợ lãi tính đến ngày 01/10/2020) là 4.164.182.000 đồng.

Sau lần ký biên bản làm việc này thì bị đơn có trả cho nguyên đơn 200.000.000 đồng nợ gốc (cụ thể ngày 09/11/2020 trả 100.000.000 đồng và ngày 08/01/2021 trả 100.000.000 đồng).

Về tiền lãi: do bị đơn vi phạm thời hạn thanh toán theo thỏa thuận trong hợp đồng mà hai bên đã ký kết nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về buộc bị đơn phải trả số tiền lãi phát sinh là có cơ sở. Mức lãi suất nợ quá hạn mà hai bên thỏa thuận trong hợp đồng là 1%/tháng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Tổng số tiền tính đến ngày 14/7/2023 là 7.224.246.000 *(bảy tỷ hai trăm hai mươi bốn triệu hai trăm bốn mươi sáu ngàn)* đồng, nguyên đơn có đơn đồng ý giảm

một phần tiền lãi cho bị đơn. Cụ thể giảm 30% tiền lãi nợ quá hạn là 2.167.273.800 đồng. Điều này có lợi cho bị đơn nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Như vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về buộc bị đơn trả nợ gốc và lãi phát sinh là có cơ sở để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 50 và 306 của Luật thương mại chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Đây là vụ án tranh chấp về kinh doanh thương mại (*Hợp đồng mua bán hàng hóa*) giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận. Bị đơn có trụ sở tại quận P, Thành phố H. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, TP HCM theo quy định của pháp luật.

[1.2]. *Về việc xét xử vắng mặt nguyên đơn*:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[1.3]. *Về việc xét xử vắng mặt bị đơn*:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật cho bị đơn như: thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập làm bản tự khai; giấy triệu tập; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Đại diện theo pháp luật và đại diện theo ủy quyền của bị đơn có đến Tòa án làm việc, có nộp bản tự khai.

Tòa án đã thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; giấy triệu tập và quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa lần 2. Tuy nhiên, bị đơn không có mặt tham gia phiên tòa. Do vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

[2.1]. Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc 9.044.524.500 (*chín tỷ không trăm bốn mươi bốn triệu năm trăm hai mươi bốn ngàn năm trăm)* đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào Hợp đồng kinh tế và các phụ lục hợp đồng, các hoá đơn GTGT và biên bản đối chiếu công nợ ngày 30/6/2019, Giấy báo có ngày 09/7/2019 và ngày 23/8/2019.

Căn cứ nội dung vào biên bản làm việc giữa Công ty L P và Công Ty TTP ngày 01/10/2020 cho thấy: Công ty TTP đã xác nhận còn nợ Công ty L P số tiền nợ gốc tính đến ngày 01/10/2020 là 9.244.524.500 đồng.

Sau khi ký biên bản làm việc ngày 01/10/2020, Công ty TTP có trả cho Công ty L P số tiền 100.000.000 đồng (ngày 09/11/2020), trả 100.000.000 đồng (ngày

08/01/2021).

Như vậy, số tiền nợ gốc mà Công ty TTP còn nợ Công ty L P tính đến ngày 14/7/2023 là 9.044.524.500 (*chín tỷ không trăm bốn mươi bốn triệu năm trăm hai mươi bốn ngàn năm trăm)* đồng.

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ gốc này là có căn cứ để chấp nhận.

[2.2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi chậm trả, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị đơn đã vi phạm điều khoản thanh toán theo hợp đồng mà các bên đã ký kết. Cụ thể tại khoản 5.2 Điều 5 của Hợp đồng quy định:

"Nếu bên A (Công ty TTP) thanh toán vi phạm một trong hai điều 5.2.3 hoặc 5.2.4 của hợp đồng, bên B (Công ty L P) được quyền tạm ngưng cung cấp bên tông, đồng thời bên A phải trả mức lãi suất nợ quá hạn là 1%/tháng".

Như vậy, trong hợp đồng các bên có thỏa thuận về vi phạm thời hạn thanh toán thì phải trả tiền lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn là 1%/tháng.

Tại Biên bản làm việc giữa nguyên đơn và bị đơn vào ngày 01/10/2020, ngoài xác nhận số tiền nợ gốc thì hai bên cũng đã xác nhận số tiền nợ lãi tính đến ngày 01/10/2020 là 4.164.182.000 (*bốn tỷ một trăm sáu mươi bốn triệu một trăm tám mươi hai ngàn*) đồng.

Ngoài ra, trong biên bản làm việc này, Công ty TTP cũng đã cam kết thời gian thanh toán nợ gốc, nếu TTP thanh toán đúng thời gian và đủ số tiền nợ gốc (9.244.524.500 đồng) thì đề nghị Công ty L P miễn lãi từ ngày 01/7/2019 (1.411.331.00 đồng), đồng thời giảm lãi trong số tiền lãi phạt tính đền ngày 30/6/2019 là 2.752.851.000 đồng.

Như vậy, tiền lãi bị đơn đã thừa nhận còn nợ nguyên đơn tính đến ngày 01/10/2020 là 4.164.182.000 (*bốn tỷ một trăm sáu mươi bốn triệu một trăm tám mươi hai ngàn*) đồng. Đây là khoản tiền lãi tính trên tổng giá trị của Hợp đồng mà Công ty L P đã cung cấp xi măng cho Công ty TTP nhưng Công ty TTP trả tiền không đúng hạn nên phát sinh nợ lãi.

Tiền lãi tính từ ngày 02/10/2020 đến ngày 14/7/2023 (1015 ngày, lãi quá hạn 1%/tháng) được tính như sau:

Số TT	Số/ngày hóa đơn	Số tiền còn nợ	Số tiền lãi chậm trả
1	0007889 07/10/2017	700.449.500	236.985.000
2	0007951 16/10/2017	1.731.915.000	585.965.000
3	0007952 16/10/2017	136.280.000	46.108.000
4	0008180 31/10/2017	2.769.425.000	936.989.000
5	0008181 31/10/2017	38.295.000	12.956.000
6	0008182 31/10/2017	178.827.500	60.503.000

7	0008446 15/11/2017	1.369.652.500	463.399.000
8	0008447 15/11/2017	109.770.000	37.139.000
9	0008612 29/11/2017	25.110.000	8.496.000
10	0008800 13/12/2017	297.960.000	100.810.000
11	0008915 20/12/2017	143.545.000	48.566.000
12	0009087 30/12/2017	637.842.500	215.803.000
13	0009282 12/01/2018	86.717.500	29.339.000
14	0009405 22/01/2018	653.322.500	221.041.000
15	0009506 30/01/2019	165.412.500	55.965.000
Tổng cộng		**9.044.524.500**	**3.060.064.000**

Như vậy, tổng số tiền lãi tạm tính đến ngày 14/7/2023 là:

4.164.182.000 đồng + 3.060.064.000 đồng = 7.224.246.000 đồng.

Nguyên đơn đồng ý giảm một phần tiền lãi cho bị đơn. Cụ thể giảm 30% tiền lãi nợ quá hạn là 2.167.273.800 đồng. Điều này có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Vậy tiền nợ gốc và nợ lãi mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn tạm tính đến ngày 14/7/2023 là **14.101.496.700** (*mười bốn tỷ một trăm lẻ một triệu bốn trăm chín mươi sáu ngàn bảy trăm*) đồng. Trong đó:

+ Nợ gốc: 9.044.524.500 đồng;

+ Nợ lãi: 5.056.972.200 đồng.

[3]. Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận về việc đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có cơ sở.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ căn cứ để chấp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền nợ gốc và tiền lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm (14/7/2023) là **14.101.496.700** (*mười bốn tỷ một trăm lẻ một triệu bốn trăm chín mươi sáu ngàn bảy trăm*) đồng.

[4]. ***Về án phí***:

Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm trên toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận (14.101.496.700 đồng) là 122.101.497 (*một trăm hai mươi hai triệu một trăm lẻ một ngàn bốn trăm chín mươi bảy*) đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí nên được nhận lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 50 và 306 của Luật thương mại;

- Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty XD L P (TNHH).

Buộc Công ty TNHH Một thành viên KT XD TTP phải trả cho Công ty XD L P (TNHH) số tiền nợ gốc và tiền lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 14/7/2023) là **14.101.496.700** (*mười bốn tỷ một trăm lẻ một triệu bốn trăm chín mươi sáu ngàn bảy trăm*) đồng, trong đó:

- Nợ gốc : 9.044.524.500 đồng;

- Nợ lãi quá hạn : 5.056.972.200 đồng.

Thời hạn thanh toán: Thanh toán một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí:

- Công ty TNHH Một thành viên KT XD TTP phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 122.101.497 (*một trăm hai mươi hai triệu một trăm lẻ một ngàn bốn trăm chín mươi bảy*) đồng.

- Công ty XD L P (TNHH) được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 60.255.000 đồng (*sáu mươi triệu hai trăm năm mươi lăm ngàn*) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0042378 ngày 03/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận,TP HCM.

3. Việc thi hành án được thực hiện tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Công ty TNHH Một thành viên KT XD TTP còn phải chịu khoản tiền lãi trên số nợ gốc còn phải thi hành theo mức lãi suất nợ quá hạn 1%/tháng tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

5. Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP HCM;
- VKSND Q.PN;
- Chi cục THADS Q.PN;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thị Thu Dung